

Số: /2026/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số chính sách hỗ trợ về công tác
dân số trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
Căn cứ Luật Dân số số 113/2025/QH15;
Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15.
Căn cứ Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành
Luật Dân số;
Căn cứ Nghị định số 192/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2026 của
Chính phủ quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù trong lĩnh vực y tế; hỗ trợ
hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản;
Căn cứ Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp
trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế;
Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.
Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách
hỗ trợ về công tác dân số trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ về công tác dân số trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

- Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
- Đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
- Người dân sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

d) Người dân sinh sống tại các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

đ) Người dân sinh sống tại các xã thuộc khu vực biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

e) Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 75 tuổi (gọi chung là người cao tuổi), có đăng ký thường trú tại tỉnh Nghệ An, không hưởng lương hưu, không hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng và không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật mà được ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế; đồng thời chưa được hưởng chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế từ các chính sách khác.

f) Nhân viên y tế kiêm nhiệm công tác dân số tại các khối, xóm, thôn, bản (sau đây gọi chung là nhân viên y tế thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm công tác dân số); cô đỡ xóm, thôn, bản ở các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn, xã vùng bãi ngang, ven biển trên địa bàn tỉnh Nghệ An (sau đây gọi chung là cô đỡ thôn, bản)

g) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác dân số trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

Người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, xã thuộc khu vực biên giới đất liền được cung cấp miễn phí phương tiện tránh thai thuộc một trong danh mục do Bộ Y tế quy định, bao gồm: bao cao su, thuốc uống tránh thai, thuốc tiêm tránh thai, thuốc cấy tránh thai và dụng cụ tử cung. Đồng thời, hỗ trợ 100% chi phí thăm khám, tư vấn, sàng lọc chỉ định biện pháp tránh thai phù hợp; chi phí thực hiện và chi phí xử trí tai biến chuyên môn (nếu có) phát sinh trong và sau khi thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành tại các cơ sở y tế công lập. Dịch vụ kỹ thuật kế hoạch hóa gia đình và xử trí tai biến chuyên môn phát sinh phải được thực hiện tại các cơ sở y tế công lập được cấp phép hoạt động chuyên môn phù hợp, do người hành nghề y tế có chứng chỉ hành nghề và phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp thực hiện theo đúng quy trình chuyên môn kỹ thuật của Bộ Y tế.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế

1. Đối tượng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 1 được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

2. Trình tự thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng hỗ trợ hàng tháng:

a) Người cao tuổi (từ đủ 60 đến dưới 75 tuổi) hoặc người khai thay cho đối tượng làm 01 Tờ khai theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này, nộp trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công của xã, phường hoặc nộp trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn/>;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức xem xét, thực hiện xác thực và chuẩn hóa thông tin liên quan của đối tượng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, quyết định hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng, thời gian hưởng từ thời điểm được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường ký quyết định. Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do;

c) Trường hợp đối tượng đang hưởng hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế bị chết hoặc không còn đủ điều kiện hưởng hoặc thay đổi điều kiện hưởng theo quy định của Nghị quyết này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường xem xét, quyết định thôi hưởng. Thời gian thôi hưởng từ tháng liền kề sau tháng đối tượng chết hoặc không còn đủ điều kiện hưởng.

Điều 4. Chính sách, chế độ đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm công tác dân số; cô đỡ thôn, bản

Chức danh nhân viên y tế thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm công tác dân số và cô đỡ thôn, bản được hưởng mức hỗ trợ hàng tháng (đã bao gồm kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế) như sau:

STT	Chức danh	Số lượng	Mức hỗ trợ hàng tháng (Lần mức lương cơ sở)	
			Thôn, xóm, bản có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn, xóm, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định của Chính phủ; các khối có từ 500 hộ gia đình trở lên	Các khối, xóm, thôn, bản còn lại
1	Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm công tác dân số	1	1	0,75
2	Cô đỡ thôn, bản	1	0,75	0,55

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng quy định tại Nghị quyết này do ngân sách tỉnh bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày.... tháng năm 2026.
2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 15/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách về công tác dân số trên địa bàn tỉnh Nghệ An; bãi bỏ khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 14/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, xóm, khối, bản; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, xóm, khối, bản; mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của tổ dân vận ở thôn, xóm, khối, bản; định mức phân bổ dự toán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa , Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026 ./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ (để b/c);
- Bộ Y tế (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HDND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hoàng Nghĩa Hiếu